

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ VÂN NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ VÂN NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN NAM INTERNATIONAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109319027

3. Ngày thành lập: 24/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 28, C7, khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0937612299

Fax:

Email: ngoclb.vannam@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Kinh doanh thực phẩm chức năng bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm dinh dưỡng y học, kể cả thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt. - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632(Chính)
2.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm dinh dưỡng y học, kể cả thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt. - Sản xuất thực phẩm: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt, dấm; mật ong nhân tạo và kẹo; thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi; các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); men bia; nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; sữa tách bơ và bơ; các sản phẩm trứng, albumin trứng; muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; các sản phẩm cô đặc nhân tạo; Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến.	1079
3.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
4.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
5.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
6.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050

7.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
8.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
9.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
10.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
11.	Sản xuất rượu vang	1102
12.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
13.	Sản xuất sợi	1311
14.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
15.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
16.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
17.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
18.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
19.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
20.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
21.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
22.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
23.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
24.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
25.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
26.	Sản xuất giày, dép	1520
27.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
28.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
29.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
30.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
31.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
32.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
33.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
34.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
35.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
36.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
37.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc; Sản xuất nguyên liệu làm thuốc	2100
38.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục, thể thao; dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
39.	Bán buôn đồ uống	4633

40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4659
44.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
46.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt, bột, bột nhão.	4669
47.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
48.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
49.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
50.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
51.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
52.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
53.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
54.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
55.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543

56.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
57.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
58.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
59.	Trồng cây điều	0123
60.	Trồng cây hồ tiêu	0124
61.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
62.	Trồng lúa	0111
63.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
64.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
65.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
66.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng)	0119
67.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
68.	Trồng cây ăn quả	0121
69.	Trồng cây mía	0114
70.	Trồng cây lấy sợi	0116
71.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
72.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
73.	Trồng cây cao su	0125
74.	Trồng cây cà phê	0126
75.	Trồng cây chè	0127
76.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
77.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
78.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
79.	Dịch vụ đóng gói	8292
80.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
81.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
82.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
83.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
84.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
85.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
86.	Chăn nuôi khác Chi tiết: Nuôi ong và sản xuất mật ong	0149
87.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
88.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
89.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

90.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
91.	Tái chế phế liệu	3830
92.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
93.	Thu gom rác thải độc hại	3812
94.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
95.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
96.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
97.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
98.	Lập trình máy vi tính	6201
99.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
100.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
101.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
102.	Xuất bản phần mềm (Không bao gồm hoạt động xuất bản phẩm)	5820
103.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
104.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
105.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
106.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
107.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm	4789
108.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
109.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, lẻ tem và tiền kim khí)	4773
110.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
111.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
112.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
113.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
114.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)	5629
115.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
116.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7911

117.	Điều hành tua du lịch	7912
118.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
119.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
120.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
121.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
122.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
123.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
124.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ BÍCH NGỌC Giới tính: Nữ
 Chức danh: Giám đốc
 Sinh ngày: 06/12/1986 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân
 Số giấy chứng thực cá nhân: 001186009279
 Ngày cấp: 07/04/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn Đông Lao, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Chỗ ở hiện tại: P2001 CT8B khu đô thị Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội